

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HS-ST
Ngày: 19 – 8 – 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Vũ;
2. Ông Lê Thanh Hào.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 10/TB-TA ngày 19/7/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn G, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 07, ấp H, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành M (đã chết) và bà Lê Thị O (đã chết); anh chị em ruột có 06 người, bị can là người thứ năm.

Tiền án: Ngày 26/11/2019, Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang, kết án 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 26/01/2021, chưa xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 24-02-2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Phan P, sinh năm 1957; nơi cư trú: tổ 07, khóm C, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang; (vắng mặt)

Người làm chứng: Ông Nguyễn Tuấn Kh, sinh năm 1995; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 24/02/2021, Nguyễn Văn G sau khi uống rượu, một mình đi bộ trên đường Trung Nữ Vương hướng ra đường Lê Lợi, G quan sát sân nhà của Nguyễn Tuấn Kh (tổ 11, khóm T, phường B, thành phố X) có xe ô tô và nhiều xe mô tô, không người trông giữ, lợi dụng sơ hở, G lấy xe mô tô, biển số 67N1 - 7317 và mũ bảo hiểm để trên xe của Phan P, dẫn bộ đến khu vực công Ủy ban nhân dân thành phố X. Cùng lúc lực lượng Công an tuần tra, nghe Phong tri hô, báo mất trộm, nên chặn kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang G, giao Cơ quan điều tra xử lý.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô, biển số 67N1 - 7317 (đã trao trả cho bị hại Phan P); 01 quần vải dài, xám; 01 áo sơ mi dài tay, đen; 01 mũ bảo hiểm xanh (thu giữ của Nguyễn Văn G, chuyển giao Cơ quan Thi hành án dân sự).

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 61/KL-ĐG ngày 25/02/2021 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc, ghi nhận: 01 xe mô tô, nhãn hiệu AIRBLADE, biển số 67N1 - 7317, trị giá 10.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố X khởi tố, tạm giam Nguyễn Văn G, để điều tra, xử lý.

Ngày 02-3-2021, Cơ quan điều tra Công an thành phố X khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh tạm giam đối với Nguyễn Văn G về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại Cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 11-6-2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố Nguyễn Văn G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Nguyễn Văn G thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 theo nội dung cáo trạng.

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, không đi học; *người phạm tội thành khẩn khai báo* và *phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm”* được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 53 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử

phạt bị cáo Nguyễn Văn G từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 quần vải dài, xám; 01 áo sơ mi dài tay, đen; 01 mũ bảo hiểm xanh do không còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại ông Phan P; người làm chứng ông Nguyễn Tuấn Kh vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[3] Hành vi phạm tội

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận do cần tiền tiêu xài nên khoảng 19 giờ ngày 24/02/2021, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô, biển số 67N1 - 7317 và mũ bảo hiểm để trên xe của Phan P, dẫn bộ ra đường lộ 2000 đi về hướng bến phà Châu Giang để tìm chỗ cất giấu. Khi đến đoạn đường đối diện tượng đài cá Ba Sa thì bị lực lượng Công an tuần tra chặn lại kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang bị cáo cùng xe mô tô như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác gồm: các biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh hiện trường ngày 24-02-2021 do Cơ quan điều tra Công an thành phố X lập; lời khai của bị hại, người làm chứng và kết luận định giá tài sản số 61/KL-ĐG ngày 25-02-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố X cùng những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Từ các chứng cứ trên có cơ sở xác định, bị cáo lợi dụng lúc ông Phong sơ hở trong quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt xe mô tô, biển số 67N1 - 7317, giá trị tài sản theo kết luận định giá là 10.000.000 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét, cần có mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Ngày 26-11-2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong nhưng chưa được xóa án tích, nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội là trường hợp tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo; bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, không biết chữ hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Trong giai đoạn điều tra, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Air Blade màu đỏ, biển số 67N1-7317, số máy 5087147, số khung 589674 (đã qua sử dụng) mà bị cáo đã chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên không đề cập xử lý lại.

- 01 (một) quần dài bằng vải màu xám (đã qua sử dụng), 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đen (đã qua sử dụng) của bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo không có yêu cầu nhận lại, xác định không còn giá trị sử dụng. Xét, tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh, bên hông nón có dòng chữ Lager, lôgô màu vàng (đã qua sử dụng) của ông Phan P lẽ ra phải trả lại cho bị hại, tuy nhiên bị hại xác định không còn giá trị sử dụng, không yêu cầu nhận lại. Xét, tịch thu tiêu hủy do theo quy định tại Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại đã nhận lại tài sản chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 53 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 24 - 02 – 2021.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) quần dài bằng vải màu xám (đã qua sử dụng), 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đen (đã qua sử dụng) và 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh, bên hông nón có dòng chữ Lager, lôgô màu vàng (đã qua sử dụng).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03-6-2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố X với Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố X).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn G phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**Nguyễn Thanh Ngọc**

